

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ dưới sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm ngược chiều với diễn biến của thị trường cơ s

## [Thông tin doanh nghiệp]

QNS, VGC

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, có thể cân nhắc bán hạ tỷ trọng các vị thế đã mở tại vùng 1150 (+-15), và chỉ mở mua trở lại khi chỉ số về 1085 (+-15).

27/12/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,121.99	-0.02
VN30	1,115.94	+0.04
HĐTL VN30F1M	1,116.90	-0.41
HNXIndex	230.60	-0.29
HNX30	493.88	-0.30
UPCoM	86.46	+0.26
USD/VND	24,324	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.20	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.95	+11
Dầu (WTI, \$)	75.48	-0.12
Vàng (LME, \$)	2,068.39	+0.03



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,121.99 (-0.02%)  
**KLGD (triệu CP)** 570.7 (+9.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 794.8 (+31.1%)

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ dưới sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng 113.76 tỷ đồng, tập trung tại VNM (0.0%), HDG (-3.83%), GMD (+0.42%).

**HNXIndex** 230.60 (-0.29%)  
**KLGD (triệu CP)** 62.6 (+1.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 48.0 (+4.5%)

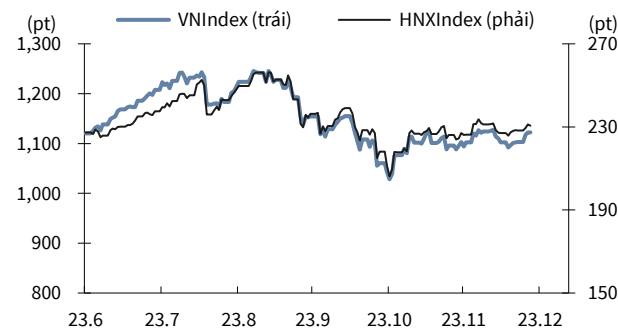
Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm qua, giá dầu Brent tăng 2 USD, tương đương 2.5%, lên mức 81.07 USD/thùng. Giá dầu WTI của Mỹ tăng 2.01 USD, tương đương 2.7%, lên mức 75.57 USD/thùng. Cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PVD (+0.71%), OIL (+1.01%)

**UPCoM** 86.46 (+0.26%)  
**KLGD (triệu CP)** 25.1 (-62.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 17.2 (+27.4%)

Giá lúa gạo hôm nay (ngày 27/12) tại Đồng bằng sông Cửu Long tăng 200 đồng/kg. Cổ phiếu nhóm Lương thực tăng giá ở LTG (+0.77%), TAR (+0.00%).

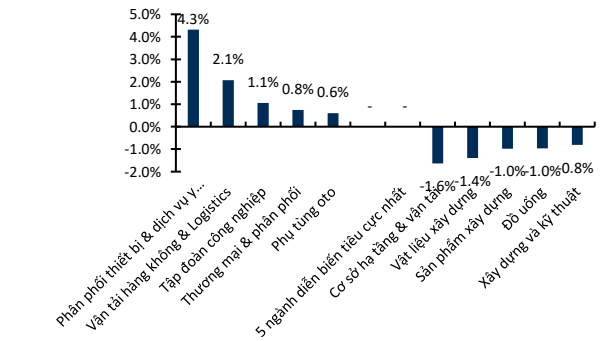
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +4.1

VNIndex & HNXIndex



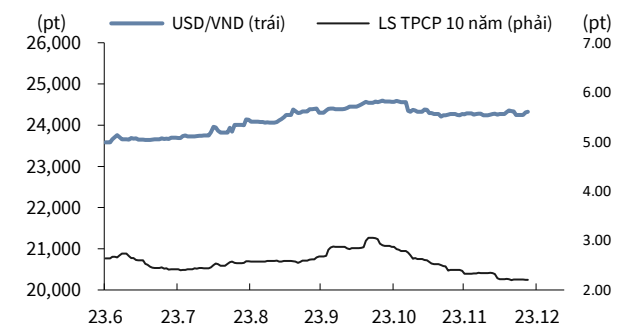
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



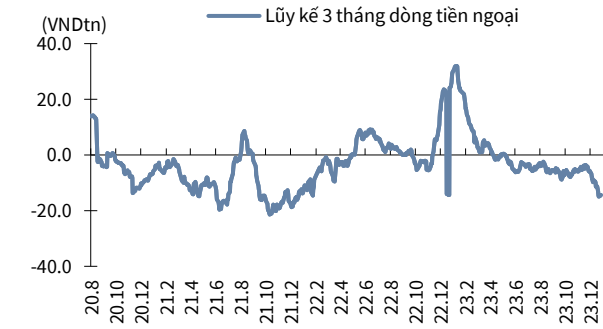
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

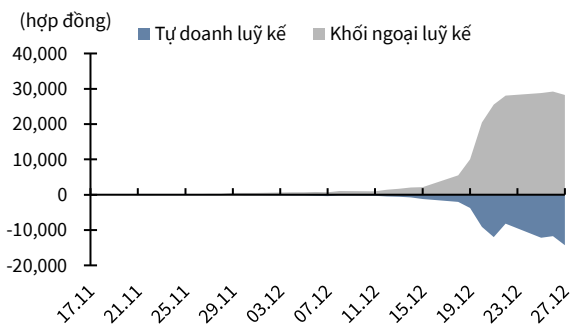
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,115.94 (+0.04%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,116.9 (-0.41%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,121.8</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,126.4</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,116.9</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>137,393 (+2.8%)</b>

Các HĐTL giảm điểm ngược chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2401 và VN30 mở cửa tại 5.98 điểm, sau đó biến động quanh mức 4.8 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 0.96 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

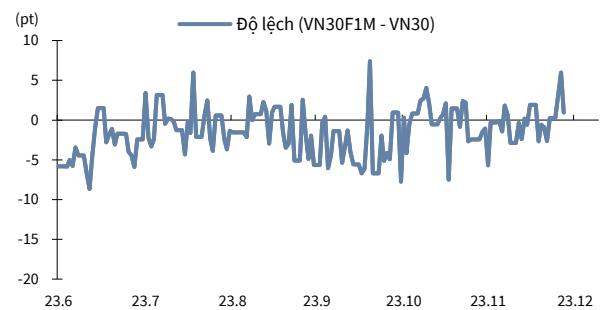
Khối ngoại bán ròng 1,010 HĐTL VN30F2401 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 28,202 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 2,588 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 14,300 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



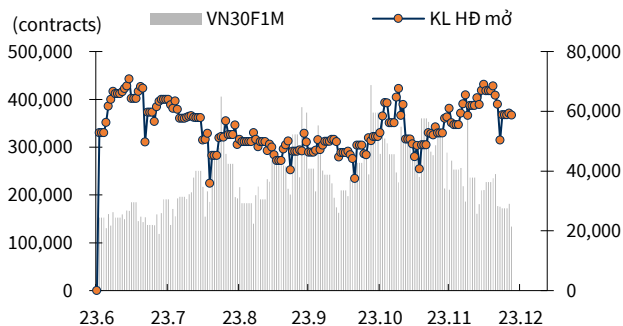
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



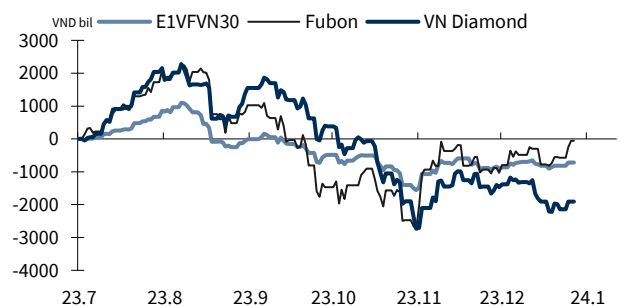
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

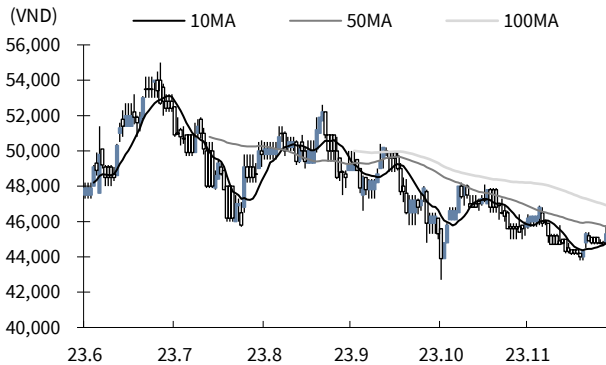
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Đường Quảng Ngãi (QNS)

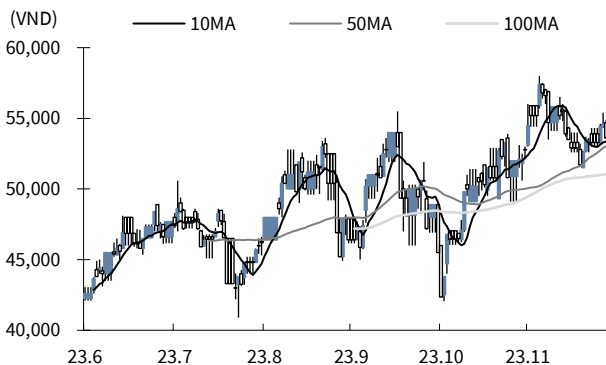


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- QNS tăng 1.12% lên 45,300 VND/cp

- CTCP Đường Quảng Ngãi vừa thông báo chốt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền mặt. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 10/1/2024. Đây là đợt trả cổ tức bằng tiền mặt lần thứ 14 liên tiếp của doanh nghiệp này. Với tỷ lệ thực hiện 10% (1 cổ phiếu được nhận 1,000 đồng) và gần 357 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính QNS cần chi khoảng 357 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt 2/2023. Ngày thanh toán dự kiến vào 24/1/2024.

## Tổng Công ty Viglacera – CTCP (VGC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

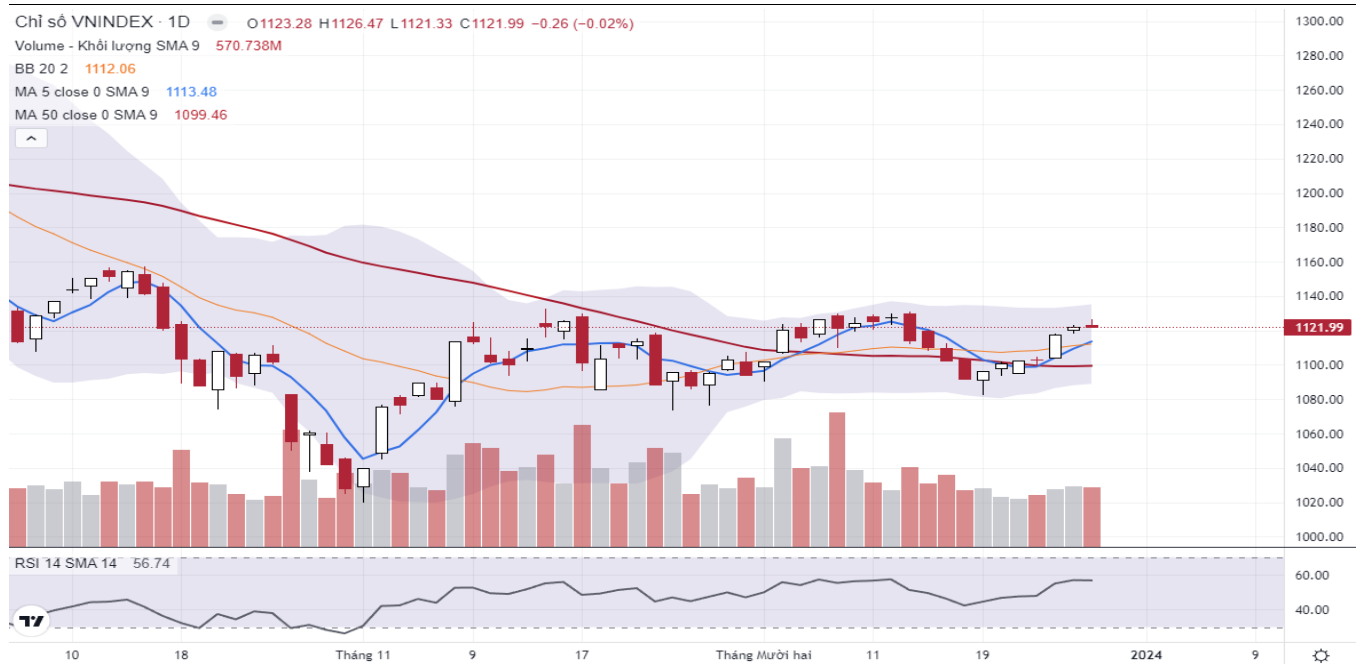
- VGC giảm 1.83% xuống 53,600 VND/cp

- Tổng công ty Viglacera - Công ty Cổ phần mới đây đã công bố thông tin “Một số chỉ tiêu chính tạm thời của Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển năm 2024” của doanh nghiệp. Theo đó, Viglacera đặt ra kế hoạch doanh thu của tổng công ty đạt 13,468 tỷ đồng, giảm nhẹ 14% so với mục tiêu năm 2023. Cùng với đó, mục tiêu lợi nhuận trước thuế của tổng công ty đạt 1,216 tỷ đồng, tăng nhẹ 6 tỷ đồng so với kế hoạch đề ra cho năm 2023.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm mạnh đầu phiên, VNIndex diễn biến giằng co trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất hầu hết thành quả tăng điểm về cuối phiên.
- Với việc chỉ số hình thành mẫu hình nến shooting star ngay tại ngưỡng cản MA200 ngày đang bỏ ngỏ rủi ro đảo chiều trong những nhịp sắp tới do phe bán đã thể hiện trạng thái quyết liệt hơn. Nhiều khả năng chỉ số sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh lớn trở lại quanh cận dưới vùng kháng cự 1150 (+-15)
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, có thể cân nhắc bán hạ tỷ trọng các vị thế đã mở tại vùng 1150 (+-15), và chỉ mở mua trở lại khi chỉ số về 1085 (+-15).

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1130 - 1135

Kháng cự gần: 1120 - 1123

Hỗ trợ gần: 1105 - 1108

Hỗ trợ xa: 1090 - 1093

- Sau nhịp tăng điểm mạnh đầu phiên, F1 diễn biến giằng co trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất hầu hết thành quả tăng điểm về cuối phiên.
- Với việc F1 hình thành mẫu hình nến shooting star ngay tại ngưỡng cản MA200 ngày đang bỏ ngỏ rủi ro đảo chiều trong những nhịp sắp tới do phe bán đã thể hiện trạng thái quyết liệt hơn. Nhiều khả năng chỉ số tiếp tục sẽ gặp áp lực điều chỉnh lớn quanh 1130 (+5)
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế Short khi F1 tiếp cận ngưỡng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

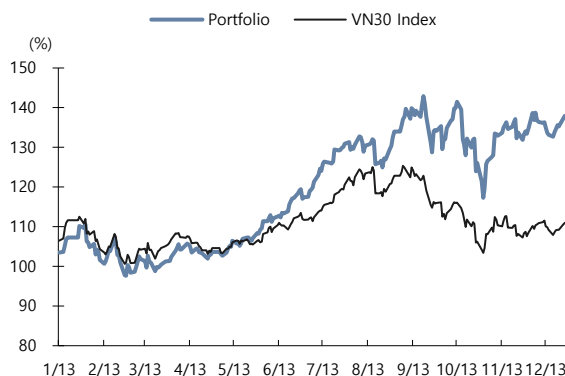
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.04%	-0.30%
Tăng lũy kế (YTD)	11.02%	37.55%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/12/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	32,800	0.2%	20.8%	- Hướng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuan (PNJ)	11/01/2023	85,300	-0.4%	18.5%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Digiworld (DGW)	12/01/2023	52,500	0.0%	1.9%	- Kỳ vọng đóng góp từ ngành hàng và thương hiệu mới - Khác biệt DGW với các nhà bán lẻ giúp bảo toàn lợi nhuận và phát triển bền vững
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,450	-0.6%	22.2%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	23,300	0.2%	7.9%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nam Long (NLG)	12/01/2023	37,100	-1.3%	-0.3%	- Doanh số bán hàng trong quý 3/2023 tiếp tục cải thiện so với các quý trước - Các dự án căn hộ trung cấp/vừa túi tiền vẫn thu hút được người mua có nhu cầu thực - Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn
Petrovietnam Fertilizer (DPM)	12/01/2023	33,400	0.9%	0.6%	- Kỳ vọng DPM có thể cải thiện BLNG nhờ tiêu thụ hết phần tồn kho giá cao và có hợp đồng giá khí đầu vào tốt hơn - Nhu cầu tiêu thụ có thể cải thiện từ đầu năm 2024 khi thị trường nội địa bước vào vụ mùa mới
Hai An Transport (HAH)	12/01/2023	37,750	-1.7%	4.1%	- Giá cước có thể cải thiện do các vấn đề liên quan tới thời tiết và lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HCKD
Vietcombank (VCB)	12/01/2023	82,700	-0.1%	-2.7%	- Tín dụng tăng tốc giai đoạn cuối năm 2023 và tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Khang Dien House (KDH)	12/01/2023	30,650	-0.2%	-2.9%	- Kỳ vọng dự án The Privia đạt tỷ lệ hấp thụ tốt, đóng góp vào doanh số bán hàng năm 2023-2024 - Kỳ vọng doanh số năm 2024 tăng trưởng mạnh

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HCM	2.0%	40.6%	55.7
TPB	2.1%	29.8%	42.2
MSN	1.2%	28.3%	30.1
VHM	0.0%	22.6%	28.6
VCB	-0.1%	23.4%	23.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.0%	54.1%	-35.4
HDG	-3.8%	24.1%	-22.2
GMD	0.4%	48.9%	-20.5
BID	0.0%	17.3%	-17.3
NLG	-1.3%	43.2%	-13.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.0%	1.7%	2.6
TNG	-1.5%	19.8%	2.1
SHS	0.5%	13.1%	0.9
NRC	0.0%	6.8%	0.6
PVI	-0.4%	59.4%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-0.3%	21.3%	-4.7
CEO	-0.9%	5.6%	-2.7
VCS	-0.4%	2.7%	-2.7
PLC	-1.9%	1.3%	-0.3
NVB	-4.4%	4.0%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	5.7%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	5.1%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	4.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hàng không dân dụng	4.1%	VJC, HVN
Thương mại & phân phối	4.0%	VPG, TSC, BTT, TNA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính đa dạng	-0.6%	EVF, OGC
Tập đoàn công nghiệp	0.2%	REE, BCG, PET, EVG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	0.3%	PLX, PGC, CNG, GSP
Đồ uống	0.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Tiện ích điện	0.5%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	9.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	8.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bán lẻ hàng chuyên dụng	7.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hàng hải	6.9%	VSC, VOS, SKG, VTO
Tiện ích điện	6.7%	PGV, NT2, PPC, TTA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-2.6%	DHC, HAP, HHP, VID
Tiện ích khí	-1.5%	GAS, PGD, PMG
Đồ uống	-1.4%	SAB, BHN, SMB, SCD
Bảo hiểm	-1.1%	BVH, MIG, BIC, BMI
Ngân hàng	-0.6%	VCB, BID, VPB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	125,981 (5.2)	22.5	43.4	-	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	0.1	0.8	4.2	-19.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	277,449 (11.4)	26.6	4.8	4.9	35.9	22.5	18.8	1.0	0.9	0.0	4.9	5.3	-12.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	75,561 (3.1)	17.8	12.4	12.0	-7.6	12.1	11.2	1.4	1.3	-0.2	1.1	2.9	-11.6
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	367,659 (15.1)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	-0.6	0.3	-3.2	20.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	47,672 (2.0)	11.6	23.2	23.2	13.7	8.8	9.2	1.8	1.7	-0.2	2.9	-2.1	27.2
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	349,949 (14.4)	13.9	50.2	41.8	-	2.5	3.1	1.3	1.3	-1.0	-1.3	2.9	56.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	99,863 (4.1)	6.3	15.5	13.1	11.7	20.9	19.4	2.7	2.2	-0.1	2.0	-3.6	22.1
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	42,204 (1.7)	12.7	12.6	9.9	-5.3	18.3	19.4	2.1	1.7	0.0	4.1	12.7	25.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	80,679 (3.3)	0.0	5.9	4.9	14.3	14.8	15.2	0.8	0.7	0.2	1.6	5.3	19.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	86,403 (3.6)	1.4	8.1	6.7	50.3	15.8	16.7	1.1	1.0	0.2	1.1	2.0	10.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	180,969 (7.5)	0.0	11.3	8.7	18.8	10.0	11.4	1.0	0.9	0.0	1.4	-3.6	3.4
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	119,656 (4.9)	0.0	4.8	4.1	14.6	24.5	23.1	1.0	0.8	-0.3	1.4	4.5	23.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	128,718 (5.3)	4.2	6.4	4.7	23.3	21.4	23.0	1.3	1.0	0.5	2.7	6.6	39.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	423,406 (17.4)	14.0	8.6	5.2	26.5	16.6	21.4	1.2	0.9	-0.4	1.7	0.0	21.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	85,777 (3.5)	0.0	5.4	4.8	37.4	16.4	17.1	1.1	0.9	2.1	2.7	4.2	14.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	209,221 (8.6)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	0.0	-1.1	-0.3	-7.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,819 (0.5)	21.0	16.3	16.1	15.8	8.7	8.4	1.4	1.3	0.1	0.5	1.8	-15.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,379 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.0	1.4	0.9	9.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	611,814 (25.2)	55.4	23.3	21.0	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.1	0.2	1.5	5.8	85.3
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	225,321 (9.3)	71.9	36.0	25.9	-4.0	7.9	10.8	2.8	2.8	0.1	1.3	3.8	80.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	222,016 (9.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.0	2.3	16.4	67.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	531,337 (21.9)	27.2	19.3	18.9	36.3	9.3	9.3	1.8	1.7	0.7	0.2	6.8	63.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	179,187 (7.4)	42.1	18.3	15.6	4.0	27.7	29.6	4.6	4.3	0.0	-0.9	-0.9	-11.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	34,864 (1.4)	36.9	17.8	16.6	7.3	18.6	20.9	3.3	3.4	-1.0	0.2	-3.4	-25.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	149,239 (6.1)	16.5	77.5	32.2	-51.9	3.9	11.7	3.5	3.2	1.2	4.9	10.0	-28.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	10,965 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	7.0	2.4	11.2	2.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	90,351 (3.7)	11.0	67.6	25.5	-88.5	5.4	13.7	3.8	3.3	-0.1	3.5	1.8	-1.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	54,047 (2.2)	10.8	9.6	19.8	-57.0	30.8	12.9	2.5	2.3	0.4	4.8	7.2	58.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	108,718 (4.5)	38.4	33.4	21.3	65.7	2.4	3.8	-	-	-0.9	0.9	1.8	30.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	401,816 (16.6)	37.7	33.0	27.8	-14.4	5.1	8.9	1.6	1.5	-0.4	3.3	10.1	88.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	97,850 (4.0)	3.6	29.4	30.2	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	0.3	9.2	16.2	182.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	21,906 (0.9)	0.0	9.5	8.8	-4.5	13.2	13.0	1.2	1.1	1.1	0.2	-0.9	-9.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	52,055 (2.1)	46.1	15.1	15.6	-17.5	19.0	17.6	2.7	2.5	-0.1	1.5	-0.7	-9.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,524 (0.5)	31.4	19.9	16.0	-10.5	7.9	11.6	1.6	1.6	-1.5	-0.4	-1.1	-18.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,042 (0.1)	34.1	13.8	6.4	-5.1	7.1	14.3	-	-	0.7	-1.3	10.9	16.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	699,898 (28.8)	18.0	25.7	13.1	21.9	7.3	12.0	1.6	1.4	-0.2	2.0	5.5	54.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	46,760 (1.9)	36.5	17.5	14.8	-0.5	6.4	7.8	1.1	1.1	0.9	2.1	2.3	-22.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	76,704 (3.2)	46.5	16.4	10.1	-4.5	10.3	16.7	1.5	1.4	-0.5	3.0	3.5	21.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	233,966 (9.6)	38.9	13.0	9.2	67.9	10.4	15.3	1.2	1.1	1.6	4.4	8.7	100.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	19,346 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.0	1.6	4.1	37.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,591 (1.1)	4.6	14.7	12.9	-51.0	12.9	12.8	1.7	1.6	0.0	0.1	2.5	8.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	113,294 (4.7)	39.9	33.6	13.8	-11.9	4.3	7.7	1.0	1.0	0.7	1.1	3.5	58.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	106,457 (4.4)	35.9	9.3	8.0	2.2	14.3	14.5	1.3	1.2	-0.9	0.6	5.6	20.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	322,840 (13.3)	0.0	48.8	22.3	14.4	1.4	8.7	2.6	2.4	0.4	1.1	12.8	-0.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	74,540 (3.1)	0.0	16.2	14.0	2.4	18.9	19.7	2.9	2.5	-0.4	6.2	7.3	-5.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	12,857 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.4	-0.9	12.3	117.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	35,859 (1.5)	30.3	-	31.9	-75.2	-4.0	23.1	7.5	7.3	-0.3	1.6	4.1	71.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	12,395 (0.5)	34.6	14.6	18.4	41.2	14.9	12.5	2.1	2.1	1.6	3.9	7.1	25.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,701 (0.1)	45.4	13.6	14.1	10.7	22.3	19.5	2.8	2.6	0.2	1.2	-2.4	19.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	189,740 (7.8)	0.0	19.5	15.8	15.5	28.0	29.3	5.0	4.3	-0.3	2.3	6.8	44.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.